

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG
LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1625 /QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.010277	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
2	1.010278	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
3	1.010279	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
4	1.010293	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện

		vô tuyến điện nội bộ; các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m;) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.			
5	1.010294	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ; các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
6	1.010295	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ; các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b,	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện

		1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m;) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.			
7	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Ủy ban nhân dân tỉnh
8	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Ủy ban nhân dân tỉnh
9	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Ủy ban nhân dân tỉnh
10	1.010301	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển).	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
11	1.010302	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển).	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
12	1.010303	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện

		thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển).			
13	1.004500	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
14	1.010268	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
15	1.010276	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
16	1.010288	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện

17	1.010272	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
18	1.010280	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
19	1.010308	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
20	1.010316	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện

21	1.010317	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
22	3.000411	Cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.	Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025	Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 tại Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (áp dụng đối với cá nhân); Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (áp dụng đối với hộ kinh doanh). (Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì không yêu cầu nộp bản sao điện tử hợp pháp các giấy tờ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh). Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: tổ chức, cá nhân không phải nộp tài liệu trong hồ sơ quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP về Căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tra cứu được các thông tin này tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thời điểm áp dụng cụ thể quy định này được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện). - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Tờ ☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG		☐ Đơn công			
		☐ Song công/ Bán song công	Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản					
7.2. Các mức công suất phát (W)					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5. Ăn g-	Hệ số khuếch đại (dB)				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung	☐ Bổ sung	☐ Bổ sung	
		☐ Hủy bỏ	☐ Hủy bỏ	☐ Hủy bỏ	
		☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất					
8.2. Các mức công suất phát (W)					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:		
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				
	c. Hệ số khuếch đại				
	d. Độ cao so với mặt				

	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/Vĩ độ:.....N
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)	Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

	- 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022

	của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi
- (2). Mẫu giấy phép: Là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...)
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...)

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ

	di động mặt đất theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo Mẫu 1g1 quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	--

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý:

1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ **Cấp** ☐ **Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số**

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỆN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG		☐ Đơn công			
		☐ Song công/ Bán song công	Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản					
7.2. Các mức công suất phát					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5. Ân g- ten	Hệ số khuếch đại				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỔ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản					
8.2. Các mức công suất phát					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã: Quận/ huyện: Tỉnh/thành phố:			
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7.	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				

Ăn g- ten	c. Hệ số khuếch đại	
	d. Độ cao so với mặt	
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....N
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

4. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h,1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h,1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn theo quy định tại khoản 1 và điểm c, d, đ khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h,1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện;

	- Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 quy định tại Phụ lục II (tương ứng với các trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; đối với tuyến truyền dẫn viba; đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ) ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc + Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc + Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài khác); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện nước ngoài); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài); - Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép (trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép). - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề

	ngiht cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP), cụ thể: - Mẫu 1a: Đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; - Mẫu 1d: Đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; - Mẫu 1e: Đối với tuyến truyền dẫn viba; - Mẫu 1g1: Đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; - Mẫu 1g2: Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân): Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	

- 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
- 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.
- 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
- 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.
- 5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ **Cấp** ☐ **Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số**

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản				
4.2. Các mức công suất phát (W)				
4.3. Ký hiệu phát xạ				
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)				
4.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)				
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)				
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)				
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)				
4.10. Địa điểm đặt	☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:		
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)	Số lượng thiết bị chính			

	Số lượng thiết bị dự phòng		
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
5. ĂNG-TEN			
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc	
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực	
5.5. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	
6. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

.....

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....			
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....			
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP				
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)		
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				

6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/ Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ:N		
7.7. Cấu trúc bố trí			
8. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT			
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)			
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)			
10.3. Chế độ thu (Reception mode)			
10.4. Kiểu điều chế			
10.5. Tỷ lệ mã			
10.6. Pilot pattern			

11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BẰNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỆN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).	
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)	
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)	
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)	
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
13. ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH KHÔNG PHẢI LÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ	
Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình được kê khai tại Mục 3, Mục 5 của bản khai trên hệ thống phát thanh: QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾ (Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, tổ chức) Họ và tên	

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày	
	Thời hạn sử	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ		TRẠM “THỨ HAI”	
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E			
4.3. Vĩ độ				
4.4. Cự ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Quận/huyện				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm)				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				

6.2. Hãng sản xuất		
6.3. Hướng tính		
6.4. Kích thước		
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)		
6.6. Phân cực		
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)		
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)		
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG				
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG				
6. CẤU HÌNH MẠNG	☐ Đơn công			
	☐ Song công/ Bán song công	Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG				
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				
7.2. Các mức công suất phát (W)				
7.3. Ký hiệu phát xạ				
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)				
7.5. Ăng - ten	Hệ số khuếch đại (dBi)			
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất) (m)			
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị ...	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị...
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)				
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất				
8.2. Các mức công suất phát (W)				
8.3. Ký hiệu phát xạ				
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)				

8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)			
8.7. Ăng- -ten	a. Tên (nhãn hiệu)		
	b. Dải tần làm việc		
	c. Hệ số khuếch đại		
	d. Độ cao so với mặt đất		
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ	
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....	
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

5. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h,1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h,1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn, tổ chức, cá nhân làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h,1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện;

	- Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

	- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn, tổ chức, cá nhân làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định khoản 2 Điều 7 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn viba; mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m) đối với cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô
---------------------------	---

	tuyển điện theo mẫu tương ứng hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 quy định tại Phụ lục II (tương ứng với các trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; đối với tuyến truyền dẫn viba; đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ) ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác (tương ứng theo Mẫu 1a, 1d, 1e, 1g1, 1g2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP), cụ thể: - Mẫu 1a: Đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m, 1l; - Mẫu 1d: Đối với thiết bị phát thanh, truyền hình; - Mẫu 1e: Đối với tuyến truyền dẫn viba; - Mẫu 1g1: Đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất; - Mẫu 1g2: Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực...

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2.Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2.ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Các mẫu bản khai thông số, kỹ thuật khai thác, Phụ lục II

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

.....

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác					
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN					
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất					
4.2. Các mức công suất phát (W)					
4.3. Ký hiệu phát xạ					
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)					
4.5. Dải tần thiết bị	Phát				
	Thu				
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)					
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)					
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)					
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)					
4.10. Địa điểm đặt		☐ Di động ☐ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ :N			
		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:		
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)		Số lượng thiết bị chính			

	Số lượng thiết bị dự phòng		
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị		
5. ĂNG-TEN			
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc	
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực	
5.5. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	
6. TỶ LỆ HAO (dB) (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

☐ **Cấp**

☐ **Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số**

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh tương tự ☐ Phát thanh số ☐ Truyền hình số ☐ Khác:.....			
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí theo quy định đối với Cơ quan báo chí.	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần ☐ Khác:.....			
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP				
Tên kênh chương trình		Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)		
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất				

6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/ Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	☐ ND ☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ:N		
7.7. Cấu trúc bố trí			
8. TỶ LỆ MẤT (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT			
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)			
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)			
10.3. Chế độ thu (Reception mode)			
10.4. Kiểu điều chế			
10.5. Tỷ lệ mã			
10.6. Pilot pattern			
11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIÊN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).			

11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)	
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)	
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)	
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	
13. ĐỐI VỚI ĐÀI PHÁT THANH KHÔNG PHẢI LÀ CƠ QUAN BÁO CHÍ	
Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình được kê khai tại Mục 3, Mục 5 của bản khai trên hệ thống phát thanh: QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ⁽⁶⁾ (Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của cơ quan, tổ chức) Họ và tên	

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày	
	Thời hạn sử	từ ngày	đến ngày	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐				
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	TRẠM “THỨ		TRẠM “THỨ HAI”	
4.1. Tên/mã trạm đề nghị				
4.2. Kinh độ	E		E	
4.3. Vĩ độ	N		N	
4.4. Cự ly tuyến (km)				
4.5. Địa điểm đặt				
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã				
Quận/huyện				
Tỉnh/thành phố				
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
5.1. Tên thiết bị				
5.2. Hãng sản xuất				
5.3. Dải tần số thu (MHz)				
5.4. Dải tần số phát (MHz)				
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)				
5.6. Băng thông (MHz)				
5.7. Công suất phát (dBm)				
5.8. Kiểu điều chế				
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)				
5.10. Độ nhạy máy thu (dBm)				
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)				
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)				
6. ĂNG-TEN				
6.1. Tên				
6.2. Hãng sản xuất				
6.3. Hướng tính				
6.4. Kích thước				
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)				
6.6. Phân cực				
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)				
6.8. Giảm đồ bức xạ ăng-ten (nếu				
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC				

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Tờ ☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số số:
/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số		Ngày cấp	
		Thời hạn sử dụng	từ ngày đến ngày		
2. MỤC ĐÍCH SỬ					
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)					
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐					
4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG					
5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG					
6. CẤU HÌNH MẠNG		☐ Đơn công			
		☐ Song công/ Bán song công	Khoảng cách thu/phát (MHz):		
7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG					
7.1. Tên thiết bị/Hãng sản					
7.2. Các mức công suất phát					
7.3. Ký hiệu phát xạ					
7.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
7.5.Ăng-ten	Hệ số khuếch đại (dBi)				
	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt				
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung	☐ Bổ sung	☐ Bổ sung	
		☐ Hủy bỏ	☐ Hủy bỏ	☐ Hủy bỏ	
		☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Thay thế cho thiết bị	
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)					
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản					
8.2. Các mức công suất phát					
8.3. Ký hiệu phát xạ					
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)					
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:		
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)					
8.7.	a. Tên (nhãn hiệu)				
	b. Dải tần làm việc				

Ăn g- ten	c. Hệ số khuếch đại	
	d. Độ cao so với mặt	
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:.....E/ Vĩ
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
9. TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):..... Tần số thu (MHz):.....
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:	Vĩ độ:N
		E	
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị
20. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
21. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

7. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục X Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Nộp qua hệ thống bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
2. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1.5. Email :.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:

3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)

☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép

4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ		
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			

5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
6. TÀI SÓ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

8. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Nộp qua hệ thống bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
--	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
3. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
4. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1.5. Email :.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:

3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)

☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép

4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

9. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Nộp qua hệ thống bưu chính; - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
5. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
6. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1.5. Email :.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:

3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)

☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép

4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ		
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			

5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
8. TÀI SỔ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
9. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

10. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định tại điểm 1, 2 và điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;

	- Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (áp dụng đối với cá nhân); bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (áp dụng đối với hộ kinh doanh). - Bản sao Hợp đồng sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh với doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý được doanh nghiệp viễn thông ủy quyền đã được <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> cấp giấy phép cung cấp dịch vụ (áp dụng đối với đài trái đất hoạt động độc lập của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh và đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá có thiết bị giám sát hành trình tàu cá qua vệ tinh), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh; hoặc Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (áp dụng đối với đài trái đất của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh ngoài biển, công ty đa quốc gia, cơ quan Chính phủ, khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh; hoặc Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp (áp dụng đối với đài trái đất của tổ chức, doanh nghiệp được phép tham gia hoạt động bảo đảm an toàn hàng không, an toàn hàng hải theo quy định của Tổ chức Hàng không quốc tế (ICAO), Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh; (Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì không yêu cầu nộp bản sao điện tử hợp pháp các giấy tờ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: tổ chức, cá nhân không phải nộp tài liệu trong hồ sơ quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP về Căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tra cứu được các thông tin này tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thời điểm áp dụng cụ thể quy định này được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện).
--	---

	- Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số

	42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2.Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	

5.3. Vị trí (tọa độ)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....		
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):		
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....		
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	、		

11. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ:

	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

12. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện;
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày: đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát: / Thu:		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kính độ:E/ Vĩ độ:N		

5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....		
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):		
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....		
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	、		

13. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Cơ quan đại diện nước ngoài hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các
--------------------	---

	hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý. - Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép (trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép). - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	--

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:...../Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		

5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:...../ Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:...../ Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....		
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):		
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu:.....		
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

14. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh, Cơ quan đại diện nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an.
--------------------	---

	+ Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).

Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

15. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài phát của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài phát của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định khoản 5 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an.
---------------------------	---

	+ Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô

	tuyên điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:	
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	
5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	
5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã: Quận/ huyện: Tỉnh/thành phố:		
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	

5.3. Vị trí (tọa độ)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:...../ Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:...../ Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....		
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):		
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....		
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	、		

16. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách
--------------------	--

	nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Bản khai: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; b) Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài theo lời mời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài theo lời mời của Lãnh đạo Quốc hội); hoặc - Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài khác). c) Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt

	quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài

	chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	--

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

- 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.
- 5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				

5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu ($^{\circ}\text{K}$):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

17. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách
--------------------	---

	nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;

	- Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

18. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 5 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
---------------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hồ hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....	
5. ĂNG-TEN			
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU			

(hoặc tên thương mại của vệ tinh)	
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

19. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Tần số vô tuyến điện; - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; - Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
--------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Số:

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.	

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)*

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	

4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....	
5. ĂNG-TEN			
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			

7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

20. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Tần số vô tuyến điện; + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến
--------------------	---

	điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; - Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP;

(nếu có và đính kèm)	- Bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	

- 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.
- 5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
- 5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.
- 5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ GIA HẠN

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. GIA HẠN

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn ⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí ⁽⁴⁾
...	...	...	

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép ⁽¹⁾	Mẫu giấy phép ⁽²⁾	Lý do cấp đổi ⁽⁵⁾
...		

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.

(2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).

(3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

(4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.

(5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

21. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến Cục Tần số vô tuyến điện. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi thông báo, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Cục Tần số vô tuyến điện; + Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Cục Tần số vô tuyến điện, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 14 ngày; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao.
---------------------------	--

	+ Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 03 tháng
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	2. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 28 ngày của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo Mẫu 1m tại Phụ lục III của Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Bản khai thông tin chung quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo Mẫu 1m quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến

	điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	---

Mẫu bản khai thông tin chung, Phụ lục II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức): Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
2. ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)	
Số điện thoại di động: Email:.....	
3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:.....
4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) ☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Mẫu 1m, Phụ lục II

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số

Tờ số:/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....			
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)				
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....				
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)				
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....		
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu		
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		 /		
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		 / từ đến (MHz)		
4.7. Công suất phát (W)				
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....		
	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		

4.9. Địa điểm đặt thiết bị		Quận/ huyện:	Tỉnh/thành phố:	
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)		
5.3. Vị trí (tọa độ)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N			
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....			
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....			
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	/	5.7. Góc ngảng (°)		
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải			
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải			
5.11. Giảm đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:			
5.12. Giảm đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:			
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kính độ:.....E/ Vĩ độ:.....N			
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				

7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: Nhiệt độ tạp âm máy thu (⁰ K):
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

22. Cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

Trình tự thực hiện:	- Doanh nghiệp nộp đến Cục Tần số vô tuyến điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp hoặc từ chối cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Cục Tần số vô tuyến điện; - Nộp qua hệ thống bưu chính; (Địa chỉ Cục Tần số vô tuyến điện: 115 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ (http://dichvucong.mst.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	14 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (Theo khoản 1, Điều 13, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội).
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Tần số vô tuyến điện

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 88/2025/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):	Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	- Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ theo quy định. - Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. - Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và khai thác theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế đối với hoạt động của vệ tinh phi địa tĩnh. - Thực hiện phối hợp với các hệ thống vệ tinh mà Việt Nam đã đăng ký hoặc sẽ đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế; không gây cản trở hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc triển khai trong tương lai hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh của Việt Nam. - Việc sử dụng tần số phải bảo đảm không gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu từ các thiết bị vô tuyến điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam và các hệ thống thông tin liên lạc phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; trường hợp gây nhiễu có hại phải ngừng ngay việc sử dụng cho đến khi khắc phục được nhiễu có hại. Việc sử dụng tần số và xử lý nhiễu có hại giữa các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thực hiện theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế. - Lưu trữ, cung cấp thông tin về thông số kỹ thuật, khai thác của thiết bị vô tuyến điện bao gồm cả vị trí của thiết bị cố định, khu vực hoạt động và số đăng ký của phương tiện đặt thiết bị khi có yêu cầu của cơ quan quản lý. - Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022.

	- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 (Thông tư số 265/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung). - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022.
--	--

Mẫu số 05. Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Mã số thuế (đối với tổ chức):			
Địa chỉ trụ sở chính:			
Cơ quan quản lý thuế:			
1.2. Địa chỉ liên lạc:			
1.3. Số điện thoại liên hệ:			
1.4. Email:			
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ		☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến	
3. ĐẦU MỐI LIÊN LẠC TRONG TRƯỜNG HỢP XẢY RA NHIỀU CỐ HẠI			
3.1. Điện thoại:			
3.2. Email:			
4. BẢN KHAI		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....	
5. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH		Số: . Ngày cấp: Ngày hết hạn:	
6. CÁC LOẠI THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI			
LOẠI THIẾT BỊ THỨ... (NHẤT,HAI,...)		☐ Cố định ☐ Di động	
a) Tên thiết bị			
b) Công suất phát lớn nhất (W)/EIRP lớn nhất (dBW)			
c) Dải tần phát (MHz)		Từ (MHz) đến (MHz)	
d) Dải tần thu (MHz)		Từ (MHz) đến (MHz)	
đ) Ký hiệu phát xạ			
e) Ăng ten	Kích thước (cm)		
	Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát: /Thu:	
	Phân cực phát		
	Phân cực thu		

Góc nghiêng nhỏ nhất (°) đối với thiết bị đặt cố định trên mặt đất	
7. THÔNG TIN VỀ VỆ TINH (ĐÀI KHÔNG GIAN)	
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU:	
7.2. Tên thương mại của vệ tinh:	
7.3. Số hồ sơ đăng ký với ITU:	
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC	
9. TỔ CHỨC ... CAM KẾT:	
9.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ theo quy định.	
9.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	
9.3. Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và khai thác theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế đối với hoạt động của vệ tinh phi địa tĩnh.	
9.4. Thực hiện phối hợp với các hệ thống vệ tinh mà Việt Nam đã đăng ký hoặc sẽ đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế; không gây cản trở hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc triển khai trong tương lai hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh của Việt Nam.	
9.5. Việc sử dụng tần số phải bảo đảm không gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu từ các thiết bị vô tuyến, điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam và các hệ thống thông tin liên lạc phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; trường hợp gây nhiễu có hại phải ngừng ngay việc sử dụng cho đến khi khắc phục được nhiễu có hại. Việc sử dụng tần số và xử lý nhiễu có hại giữa các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thực hiện theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế.	
9.6. Lưu trữ, cung cấp thông tin về thông số kỹ thuật, khai thác của thiết bị vô tuyến điện bao gồm cả vị trí của thiết bị cố định, khu vực hoạt động và số đăng ký của phương tiện đặt thiết bị khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.	
9.7. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.	

....., ngày tháng năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên